TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Ph2c**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan V Tiến và bà Nguyễn Thị

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái tham gia phiên tòa:Ông Vũ V Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72A/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị T – sinh năm 1957.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành V – sinh năm 1956.

Đều có nơi cư trú: Thôn Th, xã Thụy S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Bà T, ông V xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn Bà Đào Thị T trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:*

Bà và ông Nguyễn Thành V tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 27 tháng 01 năm 1981. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên nhau được 43 năm nhưng không mấy khi hạnh Ph2c. Trong cuộc sống thường ngày vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự gắn kết với nhau, cuộc sống gia đình không đầm ấm, không hạnh Ph2c. Hai vợ chồng sống chung một nhà nhưng không có sự quan T lẫn nhau, bà cảm thấy cuộc sống vợ chồng không có sự vui vẻ, lúc bà ốm đau ông V không quan T chăm sóc đến bà, dửng dưng không hỏi han đến gia đình bố mẹ bà khi bố mẹ bà về già, các ngày giỗ, Tết. Bà và ông V đã sống ly thân từ tháng

10/2022 cho đến nay. Nay con cái đều đã trưởng thành, bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 02 con chung, tên là Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1982 và Nguyễn Thành Ph, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1987, hiện đều đã trưởng thành, có gia đình và cuộc sống ổn định, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông V không có nợ chung, về tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 6 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Thành V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông V xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như bà T trình bày. Ông và bà Đào Thị T là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào năm 1981. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa phương. Quá trình chung sống bình thường, thi thoảng vợ chồng có xảy ra va chạm, nói những lời không hay trong lúc nóng giận nhưng vợ chồng vẫn sống chung nhà cùng nhau nuôi dạy con cái. Nhưng đến đầu năm 2023 bà T tỏ thái độ không muốn chung sống cùng ông nữa và chuyển đi sinh sống cùng các con và muốn ly hôn ông. Ông cũng động viên bà T nhiều lần để bà T rút đơn ly hôn về nhưng bà T không đồng ý. Ông xác định quá trình chung sống của vợ chồng đôi khi có mâu thuẫn, nhưng không xảy ra xô xát đánh đập nhau, chỉ là mâu thuẫn trong những lúc nóng giận khiến cho vợ chồng không chia sẻ được với nhau, khiến cho cuộc sống gia đình ngột ngạt, bà T thường xuyên tỏ thái độ lầm lì, không nói chuyện với ông. Ông và bà T sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau, ông sống một mình. Quan điểm của ông về việc bà T làm đơn ly hôn là hiện nay cả hai người đều đã có tuổi, ông muốn vợ chồng chung sống cùng nhau để con cái, cháu chắt đi về có bố mẹ, có ông bà. Trường hợp bà T kiên quyết ly hôn ông thì ông cũng tùy bà T quyết định và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung, tên là Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1982 và Nguyễn Thành Ph, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1987, hiện hai con đều đã trưởng thành, có gia đình và công việc ổn định nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống ông và bà T không có nợ chung, về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại UBND xã Thụy S cung cấp ông V và bà T đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 27/01/1981 và vợ chồng chung sống tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mẫu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Hiện nay

ông V và bà T không sinh sống cùng nhau. Nay bà T xin ly hôn ông V, địa phương đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nếu không đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông V và bà T có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1982 và Nguyễn Thành Ph2, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1987, hiện cả hai con đều đã trưởng thành, có gia đình và công việc ổn định. Về tài sản ông bà không có yêu cầu nên địa phương không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều *1, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho bà T được ly hôn ông V; Về con chung: Vợ chồng bà T, ông V có 02 người con chung, tên là Nguyễn Minh Ph2, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1982 và Nguyễn Thành Ph, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1987, hiện hai con đều đã trưởng thành, có gia đình và công việc ổn định, không đặt ra giải quyết. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản, nên không đặt ra giải quyết. Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Thành V - bị đơn có nơi cư trú tại xã Thụy S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thụy S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 27/01/1981 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà T và ông V phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không có biện pháp để hàn gắn quan hệ hôn nhân, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan T, chăm sóc đến nhau. Qua xác

minh tại Ủy ban nhân dân xã Thụy S, chính quyền địa phương xác nhận bà T và ông V có mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân, không ai quan T chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà T và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà T được ly hôn ông V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Bà T và ông V có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Ph2, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1982 và Nguyễn Thành Ph, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1987, hiện hai con đều đã trưởng thành, có gia đình và công việc ổn định nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông V đều xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đào Thị T được ly hôn ông Nguyễn Thành V.

2. Về con chung: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Thành V có 02 con chung là tên là Nguyễn Minh Ph2, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1982 và Nguyễn Thành Ph, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1987, hiện hai con đều đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đào Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ bà T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005293 ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đào Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thành V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Thụy S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Vũ Việt Hưng